

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kiều N; Địa chỉ: ấp M, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng P; Địa chỉ: ấp M, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị N và anh P tìm hiểu một thời gian đi đến hôn nhân, hôn nhân của chị N, anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị N, anh P sống tại ấp M, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 30/10/2018, chị N, anh P đi Thành phố Hồ Chí Minh để

làm thuê tại Công Ty COATS P Phú. Thời gian đầu vợ chồng chị N, anh P chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng trong thời gian làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh anh P có quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con. Đến ngày 02/10/2021, chị N ra ngoài sống riêng với anh P, thời gian sau chị N bỏ về quê tại ấp M, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng để sinh sống. Nay chị N nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lê Hoàng P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P có hai người con chung tên Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) và Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004), còn cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007) giao cho anh Lê Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Cường đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) và cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007), chị N không cấp dưỡng nuôi cháu Cường và chị N cũng không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Nhật.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Kiều N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kiều N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại Biên bản hòa giải và Biên bản lấy lời khai cùng lập ngày 10 tháng 12 năm 2021 bị đơn anh Lê Hoàng P trình bày:

Anh Lê Hoàng P thống nhất với nội dung trình bày của chị Phạm Thị Kiều N về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị N, nhưng hiện nay anh P còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau để nuôi dạy các con trưởng thành.

Về con chung: Anh P khai trong thời gian chung sống với chị Phạm Thị Kiều N có hai người con chung tên Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) và Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007). Sau khi ly hôn anh P đồng ý giao cháu Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) cho chị Phạm Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi và anh không cấp dưỡng nuôi cháu Nhật. Còn cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007) anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cường cho đến khi cháu Cường đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu Cường.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Hoàng P thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Kiều N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Lê Minh Nh, lập ngày 16 tháng 11 năm 2021 trình bày: Nếu cha, mẹ cháu không còn sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ vì mẹ quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn,

hiện nay cháu thích nghi với môi trường sống hiện tại và không yêu cầu gì đối với cha Lê Hoàng P.

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Lê Nhật C, lập ngày 16 tháng 11 năm 2021 trình bày: Sau khi cha, mẹ ly hôn cháu Cường có nguyện vọng được sống với cha và không yêu cầu gì đối với mẹ Phạm Thị Kiều N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kiều N, về việc yêu cầu ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều N, anh Lê Hoàng P và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Còn cháu Lê Nhật C (nam, sinh ngày 11/02/2007) giao anh Lê Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và chị N không cấp dưỡng nuôi cháu C là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn về tài sản chung, nợ chung chị N, anh P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lê Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục

nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N và bị đơn anh Lê Hoàng P, có nơi cư trú cuối cùng tại ấp M, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó việc anh, chị tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/7/2004 là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo chị N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh, chị thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, anh P có quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho vợ con và hiện nay chị N, anh P đã sống ly thân. Khi xảy ra mâu thuẫn chị N và anh P đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để vợ chồng về chung sống nuôi dạy các con đến tuổi trưởng thành, để các con có một gia đình hạnh phúc có đủ cả cha, lẫn mẹ nhưng anh P vẫn không thay đổi. Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên hòa giải chị N vẫn kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa chị N, anh P đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh, chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Lê Hoàng P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N, anh P có hai người con chung tên Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004), sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Đối với cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007) anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cường cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu C.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị N, anh P sống ly thân thì cháu Nhật do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn cháu C do anh Lê Hoàng P và bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Đồng thời tại Biên bản ghi ý kiến lập ngày 16 tháng 11 năm 2021 cháu Lê Minh Nh yêu cầu được trực tiếp

sống với mẹ. Còn cháu Lê Nhựt C yêu cầu được trực tiếp sống cùng với bà nội và cha cũng như tại phiên hòa giải anh P cũng đồng ý giao cháu Lê Minh Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhựt C. Từ đó, thấy rằng nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu về tâm sinh lý cũng theo nguyện vọng của các cháu nên việc giao cháu Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu C cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cháu Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Cường cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Nh, C đủ 18 tuổi.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đáng lẽ ra, chị N là người không trực tiếp nuôi cháu C, anh P là người không trực tiếp nuôi cháu Nh thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên hòa giải cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh P đều trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P tự khai, không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P tự khai, không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 2, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều N được ly hôn với anh Lê

Hoàng P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004) cho chị Phạm Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Minh Nh đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007) cho anh Lê Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Nhựt C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Kiều N không yêu cầu anh Lê Hoàng P cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004). Anh Lê Hoàng P không yêu cầu chị Phạm Thị Kiều N cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Kiều N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Lê Nhựt C (nam, sinh ngày 11/02/2007), anh Lê Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Lê Minh Nh (nam, sinh ngày 20/10/2004). Chị Phạm Thị Kiều N, anh Lê Hoàng P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Phạm Thị Kiều N, anh Lê Hoàng P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kiều N và anh Lê Hoàng P tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003451, ngày 26 tháng 10 năm 2021 chị Phạm Thị Kiều N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- UBND xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

